

Số: 50/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 17/9/2021.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT – TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Văn Tài;
2. Bà Chế Thị Hồng Cẩm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Chau Chanh Đô Ra - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TT.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thái Hòa – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 176/2021/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 5 năm 2021 về: “*Tranh chấp ly hôn*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2021/QĐXX- DS ngày 25 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Chau Sóc N, sinh năm: 1984; địa chỉ cư trú: Tổ 10, ấp ST, xã LT, huyện TT, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Bà Néang Đ, sinh năm: 1983; địa chỉ cư trú: Tổ 06, ấp ST, xã LT, huyện TT.

(Tại phiên tòa, ông N có mặt; bà Đ vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 20/4/2021 với các tài liệu kèm theo cũng như quá trình tố tụng tại tòa, ông Chau Sóc N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa ông với bà Đ được hình thành là do tự tìm hiểu, cha mẹ đồng ý đứng ra tổ chức đám cưới cho hai người vào năm 2004, hôn nhân có đăng ký kết hôn tại UBND xã LT, huyện TT, theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 113 ngày 05/4/2004. Cuộc sống chung hạnh phúc được đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bà Đ thay đổi bản tính, kiêu chuyện gây khó khăn cho ông, nên thường xuyên gây cãi, ông càng nhịn thì bà Đ càng lấn tới rồi ly thân nhau từ tháng 6/2008 đến nay. Trong thời gian ly thân gia đình có đứng ra hàn gắn

nhưng không thành. Nay ông xét thấy tình cảm thật sự không còn, ông xin ly hôn với bà Đ.

Về quan hệ con chung: Ông với bà Đ có 01 con chung tên Chau NN, sinh ngày 16/01/2005, hiện do bà Đ nuôi. Khi ly hôn ông đồng ý giao con chung cho bà Đ tiếp tục nuôi, ông xin không cấp dưỡng nuôi con, nhưng bà Đ phải tạo điều kiện cho ông tới lui thăm con chung.

Về quan hệ tài sản chung: Ông với bà Đ không có tài sản chung.

Về quan hệ nợ chung: Ông với bà Đ không có nợ chung.

Tòa án đã thông báo hợp lệ cho bà Néang Đ để tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng bà Đ vẫn vắng mặt.

Tại phiên tòa, ông N bảo lưu ý kiến của mình. Riêng bà Đ đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai để tham dự phiên tòa nhưng bà vẫn vắng mặt không lý do.

Quan điểm của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết đúng theo trình tự thủ tục, xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền xét xử. Trong quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán cũng như Hội đồng xét xử (HĐXX) đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đương sự trong vụ án cũng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Ông N – bà Đ chung sống có đăng ký kết hôn, nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hai người thường xuyên gây cãi rồi ly thân nhau, gia đình có đứng ra hàn gắn nhưng không thành...nay ông N xin ly hôn; bà Đ không có ý kiến đối với yêu cầu của ông N, nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của ông N. Về con chung, cháu Chau NN có ý nguyện tiếp tục sống chung với mẹ, nên đề nghị giao cháu NN cho bà Đ tiếp tục nuôi. Về tài sản chung và nợ chung không đề cập. Từ phân tích trên đề nghị HĐXX xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của Kiểm sát viên. HĐXX nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:* Ông N khởi kiện: “Tranh chấp ly hôn” với bà Đ, là thuộc thẩm quyền của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bà Đ có địa chỉ cư trú tại huyện TT, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện TT thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền. Bà Đ được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do, nên HĐXX xét xử vắng mặt theo Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Ông N – bà Đ kết hôn và chung sống với nhau vào năm 2004, hôn nhân có đăng ký kết hôn, nên xem là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa, ông N bảo lưu ý kiến của mình, thể hiện do bà Đ kiểm chuyện gây khó khăn với ông, nên thường xuyên gây cãi, ông nhịn nhưng càng nhịn thì bà Đ càng lấn tới, nên hai người ly thân nhau từ tháng 6/2008 đến nay...

Qua trình bày của ông N, mặc dù bà Đ vắng mặt, nhưng tại các biên bản xác minh vào cùng ngày 17/6/2021 của Tòa án thể hiện: Vợ chồng ông N – bà Đ khi sống chung thì thường gây cãi như ông N trình bày; ông N – bà Đ đã ly thân nhau từ lâu, hiện bà Đ đã có gia đình riêng... khả năng đoàn tụ là không thể...

Với những chứng cứ thu thập vừa nêu, xét mâu thuẫn giữa ông N – bà Đ đã thật sự trầm trọng; đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, HĐXX nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông N.

[3]. *Về quan hệ con chung*: Xét thấy, cháu Chau NN từ trước nay do bà Đ nuôi, tình cảm giữa cháu NN với bà Đ đã thật sự gắn bó. Xét, để không xáo trộn về tâm sinh lý của cháu NN cũng như theo ý nguyện của cháu và để cho cháu NN có điều kiện phát triển tốt về sau, HĐXX nghĩ nên chấp nhận giao cháu NN cho bà Đ tiếp tục nuôi là hoàn toàn phù hợp.

HĐXX cũng giải thích cho bà Đ biết: Trong thời gian nuôi con, bà Đ cùng người thân trong gia đình không được cản trở ông N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con và theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nhưng bà Đ không yêu cầu nên HĐXX công nhận sự tự nguyện.

[4] *Về quan hệ tài sản chung, nợ chung*: Ông N khai ông với bà Đ không có tài sản chung và không có nợ chung. Tuy nhiên do bà Đ vắng mặt, nên HĐXX không xem xét và không đề cập ở phần quyết định. Nếu sau này bà Đ có chứng cứ khác chứng minh có tài sản chung, có nợ chung và bà Đ có yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét thụ lý giải quyết theo quy định của pháp luật.

[6] *Về án phí*: Ông Chau Sốc N là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; các bên không phải chịu án phí nào khác.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của ông Chau Sốc N.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Chau Sốc N được ly hôn với bà Néang Đ.

Về quan hệ con chung: Bà Néang Đ được tiếp tục nuôi cháu Chau NN, sinh ngày 16/01/2005.

Công nhận tự nguyện của bà Néang Đ không yêu cầu ông Chau Sốc N cấp dưỡng nuôi con.

Bà Đ cùng người thân trong gia đình không được cản trở ông N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về án phí: Ông Chau Sóc N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được chuyển từ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002879 ngày 26/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT (ông N nộp đủ).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (17/9/2021), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự).

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAT;
- VKS huyện;
- THADS để thi hành.
- UBND xã LT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Vp.

Lê Văn Huệ